

Số: 25/2023/QĐST - HNGĐ

Hà Tĩnh, ngày 16 tháng 02 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên họp: Bà Trương Thị Lệ Thu

Thư ký phiên họp: Bà Lê Thị Hạnh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 285/2022/TLST - HNGĐ ngày 19/12/2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, Theo Quyết định mở phiên họp số 14/2023/QĐ-TA ngày 30/01/2023 gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

- *Người yêu cầu thứ nhất:* Anh Lê Văn N, sinh năm 1992, HKTT: Tổ dân phố Tr, phường Kỳ Th, Thị xã K, tỉnh H; Chỗ ở hiện nay: Số 17 Đ Th 10 B, phường Đ Hưng Th, quận 12, Thành phố H.

- *Người yêu cầu thứ hai:* Chị Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1992; HKTT: Xóm 9, Quyền Th, phường K, Thị xã K, tỉnh H. Hiện đang lao động tự do tại Philippines.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai anh Lê Văn N trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn N và chị Trần Thị Mỹ H đăng ký kết hôn hợp pháp với nhau vào ngày 09/5/2015 tại Ủy ban nhân dân phường Kỳ Th, Thị xã K, tỉnh H trên cơ sở tự nguyện và không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc hòa thuận được khoảng hơn 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, sống không hạnh phúc. Đến cuối năm 2017, chị H đi xuất khẩu lao động tại Philippines, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Hiện tại, anh N không biết địa chỉ cụ thể của chị H tại Philippines. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn gì, không thể tiếp tục

duy trì quan hệ hôn nhân nên anh N làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Lê Phát An Ph, sinh ngày 22/3/2016. Hiện tại, cháu đang sống cùng chị H tại Philippines. Khi ly hôn anh N có nguyện vọng giao con chung cho chị Mỹ H tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh N không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Trần Thị Mỹ H, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án và được người thân của chị nhận thay. Quá trình xác minh người thân của chị H cung cấp thông tin hiện nay chị đang lao động tự do tại Philippines nhưng không có địa chỉ cụ thể nên không thể cung cấp cho tòa án. Chị H cũng đã biết được việc anh N làm đơn xin ly hôn và chị cũng hoàn toàn nhất trí như yêu cầu ly hôn của anh Nam.

Tại phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 26/4/2003 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao, Công văn số 253 ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao: Về tình cảm: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn N và chị Trần Thị Mỹ H; Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh Lê Văn N và chị Trần Thị Mỹ H: Giao con chung Lê Phát An Ph, sinh ngày 22/3/2016 cho chị Trần Thị Mỹ H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Lê Văn N không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của anh Lê Văn N và chị Trần Thị Mỹ H, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại Công văn số 10357/QLXNC-P5 ngày 20/5/2022 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an thể hiện: Chị Trần Thị Mỹ H, sinh ngày 02/02/2020, CMTND số 184004065, Hộ khẩu thường trú: Xóm 9, Quyền Th, phường K, Thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh đã xuất nhập cảnh 03 lần, gần đây nhất vào ngày 02/02/2020 qua Sân bay quốc tế Nội

Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ quy định tại khoản 25 Điều 3, các Điều 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 29, 37, 39, 464, của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nội dung yêu cầu của anh Lê Văn N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2] Để đảm bảo giải quyết vụ việc đúng quy định pháp luật, Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin về chị Trần Thị Mỹ H thông qua bà Nguyễn Thị M (mẹ đẻ chị H) và được bà cung cấp thông tin hiện nay chị Trần Thị Mỹ H đang lao động tại Philippines và thường xuyên liên lạc về với gia đình qua điện thoại nhưng địa chỉ cụ thể của chị H tại Philippines gia đình không rõ. Tòa án đã kết nối điện thoại qua cuộc gọi hình ảnh trên ứng dụng messenger với sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị M và đại diện chính quyền địa phương xác nhận chị Trần Thị Mỹ H là vợ của anh Lê Văn N. Trao đổi qua điện thoại, chị H trình bày thống nhất về thời gian, địa điểm kết hôn, cuộc sống vợ chồng, quan hệ con chung đúng như anh Lê Văn N đã trình bày. Vợ chồng sống cách xa nhau nhiều năm nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai thiếu sự quan tâm và chia sẻ với nhau, hiện tại, chị cũng nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau, nên anh Lê Văn N làm đơn ly hôn chị cũng nhất trí thuận tình ly hôn; Về con chung: Vợ chồng có một con chung Lê Phát An Ph, sinh ngày 22/3/2016, hiện cháu đang sống cùng chị tại Philippines, khi ly hôn chị thống nhất ý kiến trình bày của anh Nam, chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lê Phát An Ph đến tuổi trưởng thành không yêu cầu anh N phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai ngăn cấm, cản trở; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị H trình bày thêm hiện tại chị đang lao động tự do tại Philippines do điều kiện công việc chị không thể về Việt Nam để trực tiếp giải quyết việc ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vắng mặt, chị đồng ý việc Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng qua người thân ở Việt Nam là mẹ đẻ bà Nguyễn Thị M địa chỉ: Xóm 9, Quyền Th, Thị xã K, tỉnh H. Bà Nguyễn Thị M cũng nhất trí nội dung chị Trần Thị Mỹ H đã trình bày. Xét thấy, anh Lê Văn N và chị Trần Thị Mỹ H đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về quan hệ tình cảm, con chung, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án căn cứ quy định tại Điều 29, 361 Bộ luật tố tụng dân sự chuyển quan hệ pháp luật từ vụ án “*Ly hôn*” thành “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” và căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng cho chị H thông qua người thân là mẹ đẻ bà Nguyễn Thị M.

[1.3] Anh Lê Văn N có đơn ủy quyền cho ông Thái Trần L và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; chị Trần Thị Mỹ H đề nghị Tòa án tạo điều kiện giải quyết ly hôn vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự

năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt anh Lê Văn N và chị Trần Thị Mỹ H theo thủ tục chung.

[1.4] Chị Trần Thị Mỹ H hiện đang lao động tự do tại Philippines không thể về Việt Nam, anh Lê Văn N có văn bản đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Căn cứ các Điều 205, 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã ban hành Thông báo số 07/TB – TA ngày 13/01/2023 về việc vụ án không hòa giải được.

[1.5] Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định mở phiên họp giải quyết việc hôn nhân gia đình theo đúng quy định pháp luật.

[1.6] Tòa án yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu chứng cứ và tiến hành xác minh tài liệu chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ là tuân thủ quy định tại các điều 93, 94, 95, 96, 97, 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn N và chị Trần Thị Mỹ H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/5/2015 tại Ủy ban nhân dân phường Kỳ Th, Thị xã K, tỉnh H nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vì vợ chồng sống cách xa nhau, thiếu sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ nên tình cảm dần phai nhạt. Hiện tại, anh Lê Văn N và chị Trần Thị Mỹ H đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục, duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa, mong muốn được ly hôn để tạo lập cuộc sống mới.

Xét thấy: Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...nhưng hôn nhân giữa anh Lê Văn N và chị Mỹ H không đạt được mục đích đó, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, chung thủy, giúp đỡ nhau.

Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn” (khoản 1 Điều 51); “Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn....”(Điều 55).

Như vậy, anh Lê Văn N và chị Trần Thị Mỹ H đã tự nguyện thỏa thuận ly hôn. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh Lê Văn N và chị Trần Thị Mỹ H có 01 con chung Lê Phát An Ph, sinh ngày 22/3/2016, hiện cháu đang sống cùng chị H tại Philippines. Khi ly hôn vợ chồng đều thống nhất giao con chung Lê Phát

An Ph cho chị Mỹ H tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; Anh Nkhông phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở. Xét thấy, từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đến nay cháu An Phú sống cùng chị Hạnh, do đó thỏa thuận của vợ chồng là phù hợp cần căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của vợ chồng về việc chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung như các đương sự đã trình bày.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Từ những phân tích trên, xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn, nuôi con chung của anh Lê Văn Na, và chị Trần Thị Mỹ H.

[3] Về lệ phí: Các đương sự phải chịu lệ phí việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 146, 149, 361, 367, 369, 370 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 4, 6, 9, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn N và chị Trần Thị Mỹ H.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh Lê Văn N và chị Trần Thị Mỹ H: Giao con chung Lê Phát An Ph, sinh ngày 22/3/2016 cho chị Trần Thị Mỹ H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Lê Văn N không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

3 Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của anh Lê Văn N (do ông Thái Trần Linh đã nộp thay tại biên lai số 0000442 ngày 16/12/2022 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKS, THA tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC HNGĐ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Trương Thị Lệ Thu